TAND HUYỆN ĐẠI TỪ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:67/2018/HS-ST
Ngày: 19/9/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Nguyễn Quang Hợp.

2. Ông: Nguyễn Việt Hưng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Loan - Thư ký TAND huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Hảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 64/2018/TLST - HS ngày 24 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2018/QĐXXST - HS ngày 04 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị L (**Tên gọi khác: Không)**,** sinh ngày 05/5/1973.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Xóm C, xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hoá: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến T, sinh năm 1940 (*đã chết*) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1940; có chồng là Vũ Đức T (*đã chết*); có 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án số 08/2002/HSST ngày 04/3/2002 của TAND huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, Nguyễn Thị L bị xử phạt 42 tháng tù về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*". Tại bản án số 81/2012/HSST ngày 29/11/2012 của TAND huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Nguyễn Thị L bị xử phạt 15 tháng tù về tội "*Môi giới mại dâm*".

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 28/5/2018 đến ngày 31/5/2018 được thay đổi biện pháp ngăn chăn. Hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú - có mặt tại phiên tòa.

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan***:

1. Chị NLQ1, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Xóm P, xã P, huyện Đại Từ, Thái Nguyên. *Vắng mặt.*

2. Ông NLQ2, sinh năm 1955. Nơi cư trú: Xóm A, xã Y, huyện Đại Từ, Thái Nguyên. *Vắng mặt.*

**** Người làm chứng****:*

1. Anh NLC1, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Xóm 10, xã P, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. *Vắng mặt*.

2. Anh NLC2, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Xóm Đ, xã V, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. *Vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 27/05/2018. Tổ công tác Công an huyện Đại Từ phối hợp với Công an xã Y, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành kiểm tra hành chính tại nhà nghỉ X thuộc xóm A, xã Y, huyện Đại Từ phát hiện tại phòng nghỉ số 205, có một đôi nam nữ đang có hành vi mua bán dâm. Sau xác định người mua dâm là NLC1, sinh năm 1992, trú tại xóm 10, xã P, huyện Đại Từ và người bán dâm là NLQ1, sinh năm 1990, trú tại xóm P, xã P, huyện Đại Từ, Thái Nguyên. NLC1 và NLQ1 khai nhận việc thực hiện hành vi mua bán dâm thông qua sự môi giới của Nguyễn Thị L, sinh năm 1973, trú tại xóm C, xã Y,huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Tổ công tác đã lập biên bản sự việc, thu giữ vật chứng gồm: 01 bao cao su đã qua sử dụng; 01 vỏ đựng bao cao su màu trăng trên vỏ có in dòng chữ Condom Hualei.

Hồi 23 giờ ngày 27/5/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Đại Từ đã tiến hành khám xét khẩn cấp người, chỗ ở của Nguyễn Thị L tại xóm C, xã Y, Đại Từ, Thái Nguyên. Kết quả thu giữ: 01 điện thoại di động hiệu Nokia N1280 màu đen trắng đã qua sử dụng niêm phong trong phong bì ký hiệu N1; 02 tờ tiền Polyme mệnh giá 200.000 đồng niêm phong trong phong bì ký hiệu N2; 01 CMND đã mờ số mang tên NLQ1.

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Thị L khai nhận như sau: Năm 2015, Nguyễn Thị L có mở quán cà phê ở xóm C, xã Y, huyện Đại Từ đặt tên biển hiệu là A. Trong quá trình bán đồ giải khát ngày 22/5/2018, L tuyển thêm nhân viên NLQ1, được L nuôi ăn ở tại quán, công việc của NLQ1 là nhân viên phục vụ quán cà phê cho L, ngoài ra NLQ1 còn bán dâm khi có khách yêu cầu. L và NLQ1 thỏa thuận thống nhất với nhau, khi có khách đến quán cà phê có nhu cầu mua dâm, NLQ1 sẽ là người trực tiếp bán dâm còn L sẽ là người trung gian trực tiếp giao dịch với khách mua dâm. Mỗi lần NLQ1 bán dâm cho khách, L sẽ thu của khách mua dâm 300.000 đồng/1 lượt, trong đó có 50.000 đồng trả tiền thuê phòng nhà nghỉ cho NLQ1 bán dâm. Số tiền còn lại là 250.000 đồng L và NLQ1 chia đôi mỗi người được 125.000 đồng, địa điểm bán dâm (*phòng nghỉ*) do khách và NLQ1 tự chọn, L không thỏa thuận.

Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 27/5/2018 khi NLQ1 đang ở quán cùng L thì có NLC1 cùng bạn là NLC2 đến quán cà phê A. Khi NLC1 và NLC2 ngồi uống cà phê được khoảng 15 phút, qua nói chuyện NLC1 biết tại quán cà phê của L có gái bán dâm. Do có nhu cầu mua dâm nên NLC1 đã đặt vấn đề mua dâm và được L đồng ý. NLC1 trực tiếp đưa cho Lệ 400.000 đồng (*gồm 02 tờ tiền mệnh giá 200.000đồng*) trong đó có 300.000 đồng tiền mua dâm với NLQ1 và 50.000 đồng tiền nước. L nhận tiền rồi trả lại cho NLC2 50.000 đồng tiền thừa và đưa cho NLQ1 50.000 đồng để trả tiền phòng nghỉ đi bán dâm. Sau đó, NLC1 và NLQ1 đến nhà nghỉ X thuộc xóm C, xã Y, huyện Đại Từ do ông NLQ2 làm chủ, để quan hệ tình dục còn NLC2 ngồi uống nước đợi NLC1. Khi NLQ1 và NLC1 đang quan hệ tình dục thì bị Cơ quan Công an phát hiện.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 phong bì niêm phong có chữ ký của người tham gia và đóng dấu trên mép niêm phong bằng dấu tròn của Công an xã Y bên trong có 01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Comdom Hualei. 01 điện thoại di động hiệu Nokia N1280 màu đen trắng đã qua sử dụng.

01 chứng minh nhân dân mang tên NLQ1. 450.000 đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam (trong đó 400.000 đồng thu giữ của L và 50.000 đồng thu giữ của ông NLQ2).

Tại bản cáo trạng số 64/VKS-CT ngày 20/8/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Nguyễn Thị L về tội "*Môi giới mại dâm*" theo quy định tại khoản 1 Điều 328 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo L và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội "*Môi giới mại dâm*".

Áp dụng khoản 1 Điều 328; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo L từ 06 đến 09 tháng tù; Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc bị cáo chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận, thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người đúng tội, không oan, bị cáo ăn năn hối cải và xin được giảm nhẹ hình phạt, hưởng mức án thấp nhất.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét khách quan toàn bộ các chứng cứ, ý kiến đề nghị của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo; người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án từ khi khởi tố vụ án, điều tra, truy tố: Cơ quan điều tra Công an huyện Đại Từ, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét về hành vi của bị cáo: Bị cáo Nguyễn Thị L có đầy đủ khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi. Trong quá trình kinh doanh quán cà phê giải khát A tại xóm C, xã Y, huyện Đại Từ, Ngày 22/5/2018 Nguyễn Thị L đã thuê NLQ1 ăn ở tại quán, mục đích làm nhân viên phục vụ và để bán dâm khi có khách yêu cầu. L và NLQ1 thỏa thuận khi khách có nhu cầu mua dâm L sẽ là người đứng ra làm trung gian môi giới để NLQ1 bán dâm. Theo thỏa thuận, L sẽ là người trực tiếp thu tiền của khách với mức là 300.000 đồng/lần (*trong đó bao gồm tiền thuê phòng để Thêm bán dâm*) số tiền còn lại sẽ chia đôi mỗi người 1/2. Khoảng 20 giờ 30 ngày 27/5/2018 có anh NLC1 đến quán của L uống nước sau đó hỏi mua dâm, bị cáo L đã thu của anh NLC1 300.000 đồng. Sau đó đưa cho NLQ1 50.000 đồng để trả tiền phòng nghỉ. Khi NLQ1 và NLC1 đang thực hiện hành vi mua bán dâm tại nhà nghỉ X thì bị phát hiện bắt quả tang.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Môi giới mại dâm*" theo quy định tại khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự. Như vậy, việc viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người đúng tội.

Nội dung khoản 1 Điều 328 BLHS quy định:

"1. Người nào làm trung gian dụ giỗ, dẫn dắt để người khác thực hiện việc mua dâm, bán dâm, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

[3] Xét tính chất vụ án: Tính chất của vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tuy nhiên, hành vi môi giới mại dâm của bị cáo L đã gây mất an ninh trật tự tại địa phương, làm ảnh hưởng đến thuần phong mỹ tục, nếp sống văn hóa văn minh.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo; bố bị cáo là người có công trong kháng chiến chống Mỹ và được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến hạnh 3; Bị cáo tuy đã 02 lần bị xét xử nhưng đến nay đều đã được xóa án tích, đối chiếu với quy định của pháp luật hiện hành được coi là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4]. Xét nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, đã hai lần bị xét xử (*năm 2002 và 2012*), tuy đến nay đều đã được xóa án tích nhưng bị cáo không ăn năn hối cải mà lại tiếp tục có hành vi phạm tội, do vậy đây là yếu tố cần xem xét trong quá trình lượng hình đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất vụ án, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, và nhân thân của bị cáo thì thấy. Mặc dù, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội giản đơn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ ... nhưng do bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xét xử, vẫn không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện mà tiếp tục có hành vi phạm tội nên cần có mức hình phạt tù giam buộc cách ly bị cáo khỏi xã hội mới đảm bảo tính dăn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình HĐXX sẽ cân nhắc, xem xét, kết hợp giữa điều kiện và hoàn cảnh sống của bị cáo với các tình tiết khác để có mức hình phạt cho phù hợp, đảm bảo tính nhân văn, nhân đạo của pháp luật.

Về hình phạt bổ xung: Xét thấy bị cáo có điều kiện hoàn cảnh khó khăn, phải nuôi bố mẹ già yếu, 02 con nhỏ, 02 em bị tàn tật nên không cần thiết áp dụng đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án:

01 phong bì niêm phong có chữ ký của những người tham gia và đóng dấu mép niêm phong bằng dấu tròn của Công an xã Y, bên trong có 01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Comdom Hualei cần tịch thu tiêu hủy.

Số tiền 300.000 đồng là tiền do L phạm tội mà có cần tịch thu sung công quỹ nhà nước. Số tiền 50.000 đồng ông NLQ2 giao nộp, đây là tiền do ông NLQ2 kinh doanh hợp pháp mà có cần trả lại cho ông NLQ2.

Số tiền còn lại 100.000đ và 01 điện thoại đi động nhãn hiệu Nokia N1280 mày đen trắng, số IMEI 355216/05/700218/3 thu giữ của L không liên quan đến vụ án, cần trả lại cho bị cáo nhưng được tạm giữ để đảm bảo thi hành.

01 chứng minh thư nhân dân số đã bị mờ, mang tên NLQ1, đây là giấy tờ tùy thân của cá nhân, cần trả lại cho chị NLQ1 quản lý, sử dụng.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Trong vụ án này còn có NLQ1 là người có hành vi bán dâm, anh NLC1 là người có hành vi mua dâm. Tuy nhiên, hành vi của chị NLQ1 và anh NLC1

không cấu thành tội phạm. Chị NLQ1 và anh NLC1 đã bị Công an huyện Đại Từ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định, do vậy không liên quan trong vụ án này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo **Nguyễn Thị L** phạm tội "*Môi giới mại dâm*".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS;

Xử phạt: bị cáo **Nguyễn Thị L 06** (*sáu*) tháng tù, được trừ thời hạn bị bắt tạm giữ từ ngày 28/5/2018 đến ngày 31/5/2018 là **03** (*ba*) ngày. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành bản án.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 106 BLTTHS; Điều 47 BLHS;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì bằng giấy màu trắng, các mép phong bì được dán kín, trên mép có 6 chữ ký và đóng dấu mép niêm phong bằng dấu tròn của Công an xã Y, bên trong có 01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Comdom Hualei.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: Số tiền 300.000 đồng đã thu giữ trong tổng số 400.000đ của Nguyễn Thị L.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị L số tiền 100.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia N1280 màu đen đã vỡ màn hình số IMEI 355216/05/700218/3 thu giữ của Lệ nhưng được tạm giữ để đảm bảo thi hành.

- Trả cho ông NLQ2 50.000đ; trả cho chị NLQ1 01 chứng minh thư nhân dân số đã bị mờ, mang tên NLQ1 do Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 04/11/2010.

(*Đặc diểm, tình trạng vật chứng như mô tả trong quyết định chuyển vật chứng số 48/QĐ-VKSĐT ngày 20/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ và các biên bản giao nhận vật chứng kèm theo).*

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Luật án phí lệ phí; Nghị quyết 326/2016/QH ngày 30/12/2016 quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị L phải chịu 200.000 đồng án phí HSST sung ngân sách nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai. Báo cho bị cáo, người có QLNVLQ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định đối với người vắng mặt.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư Pháp Thái Nguyên;
- Công an huyện Đại Từ;
- VKSND tỉnh TN, Huyện Đại Từ;
- Thi hành án HS, DS;
- Bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ;
- UBND xã Y
- Lưu VT;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Kiên